ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10817 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 22 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố danh mục, nội dung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Công nghiệp công nghệ số và Công nghệ thông tin, điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2636/QĐ-BKHCN ngày 02/06/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công nghiệp công nghệ số thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2645/QĐ-BKHCN ngày 02/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 3490/TTr-SKHCN ngày 10/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục, nội dung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết **07** thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công

nghiệp công nghệ số và công nghệ thông tin, điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh *(kèm theo 82 trang phụ lục)*.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ:

1. Triển khai thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo quy trình nội bộ được phê duyệt tại quyết định này đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở.

2. Trên cơ sở nội dung quy trình nội bộ được phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của ngành khoa học và công nghệ theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các danh mục, nội dung, quy trình nội bộ giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung công bố tại Quyết định này thay thế các TTHC tương ứng thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ đã được Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh công bố trước đây.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- CT, PCT.UBND tỉnh "VHXH";
- CVP, các PCVP.UBND tỉnh "VHXH";
- Sở Nội vụ (CCHC);
- Trung tâm Chuyển đổi số (Sở KHCN);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Tấn Hòa

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ, LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐIỆN TỬ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10817 /QĐ-UBND ngày 22 /6/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC (CSQLQG)	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Cách thức thực hiện			Quyết định công bố của Bộ ngành
							Trực tiếp	BC CI	Trực tuyến	
I	**LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ (PHÂN CẤP)**									
1	Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	1.014916	54 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*	Không có	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.	X	X	Toàn trình	Quyết định số 2636/QĐ-BKHCN ngày 02/6/2026
2	Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	1.014917	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*	Không có	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.	X	X	Toàn trình	Quyết định số 2636/QĐ-BKHCN ngày 02/6/2026

3	Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	1.014918	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*	Không có	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.	X	X	Toàn trình	Quyết định số 2636/QĐ-BKHCN ngày 02/6/2026
4	Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	1.014919	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*	Không có	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.	X	X	Toàn trình	Quyết định số 2636/QĐ-BKHCN ngày 02/6/2026
II	**LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐIỆN TỬ (PHÂN QUYỀN)**									
1	Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu	1.014636	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*	Không có	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	- Cơ quan có thẩm quyền: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.	X	X	Toàn trình	Quyết định số 2645/QĐ-BKHCN ngày 02/6/2026
2	Cho phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ	1.014637	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*	Không có	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Cơ quan có thẩm quyền: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện:	X	X	Toàn trình	Quyết định số 2645/QĐ-BKHCN ngày 02/6/2026

	thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài				cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Sở Khoa học và Công nghệ.				
3	Bổ sung, sửa đổi Giấy phép, cấp lại do mất, thất lạc Giấy phép cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài	1.014638	3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Không có	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	- Cơ quan có thẩm quyền: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.	X	X	Toàn trình	Quyết định số 2645/QĐ-BKHCN ngày 02/6/2026

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10817 /QĐ-UBND ngày 22 /6/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh)

PHẦN I
NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ: 04 TTHC (PHÂN CẤP)

1. Thủ tục Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên) (Mã TTHC: 1.014916)

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký tham gia thử nghiệm gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị thử nghiệm đến *từng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đăng ký thử nghiệm* để xem xét, giải quyết trong phạm vi địa bàn quản lý. *Hồ sơ đề nghị thử nghiệm theo quy định tại khoản 2 mục I phần Đ Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.* Hồ sơ đề nghị thử nghiệm được gửi qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. 2. Trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thử nghiệm, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* có văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị thử nghiệm hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đề nghị thử nghiệm không đầy đủ hoặc không hợp lệ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* có văn bản yêu cầu tổ chức, doanh

	nghiệp có nhu cầu đăng ký tham gia thử nghiệm bổ sung thành phần hồ sơ đề nghị thử nghiệm. 3. Trong thời hạn *11 ngày làm việc* kể từ ngày *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* có văn bản yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ nhưng tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký tham gia thử nghiệm không gửi bổ sung đầy đủ thành phần hồ sơ theo yêu cầu thì *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* có văn bản trả lại hồ sơ đề nghị thử nghiệm. 4. Trong thời hạn 54 ngày sau khi nhận được hồ sơ đề nghị thử nghiệm hợp lệ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn tất việc thẩm định hồ sơ đề nghị thử nghiệm (bao gồm cả việc kiểm tra thực tế nếu cần thiết). 5. Trường hợp hồ sơ đề nghị thử nghiệm cần được giải trình, làm rõ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* có văn bản yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp giải trình, làm rõ hồ sơ đề nghị thử nghiệm trong vòng *11 ngày làm việc* kể từ khi nhận được yêu cầu. Sau *11 ngày làm việc*, nếu tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký tham gia thử nghiệm không có văn bản giải trình, làm rõ theo yêu cầu thì *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* có văn bản trả lại hồ sơ đề nghị thử nghiệm. 6. Sau khi thẩm định, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* ban hành Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS02. Trường hợp từ chối, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã bất kỳ).
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Thành phần hồ sơ:

	1. Đơn đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. 2. Kế hoạch thử nghiệm (gồm: thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm và các thông tin khác liên quan nếu có). 3. Báo cáo đánh giá tác động đến người tham gia thử nghiệm, tổ chức, cá nhân có liên quan. 4. Báo cáo đánh giá về lợi ích, tính mới, giá trị mới, đổi mới sáng tạo, khả năng thương mại hóa của sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đề nghị thử nghiệm. 5. Phương án bảo đảm an toàn (về tài sản, sức khỏe, tính mạng, quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia, cộng đồng, xã hội; bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; biện pháp kiểm soát rủi ro; cơ chế giải quyết khiếu nại của người tham gia thử nghiệm có kiểm soát; phạm vi, biện pháp bồi thường thiệt hại, phương án khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật dân sự trong quá trình thử nghiệm và khi kết thúc thử nghiệm). 6. Phương án kỹ thuật để cung cấp sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thử nghiệm (gồm: tài liệu về đặc tính kỹ thuật, tham số kỹ thuật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tiêu chuẩn, chất lượng; các biện pháp, giải pháp kỹ thuật liên quan; phương án bảo trì và các nội dung kỹ thuật liên quan khác nếu có). - Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	54 ngày sau khi nhận được hồ sơ đề nghị thử nghiệm hợp lệ. *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu TNCNS01: Đơn đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Luật Công nghiệp công nghệ số 71/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số. *- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về việc phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.*

Mẫu số TNCNS01. Đơn đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

Kính gửi: … (1) …

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Chúng tôi, … (2) … trân trọng đề nghị … (1) … xem xét, quyết định cấp phép tham gia thử nghiệm có kiểm soát cho sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số của chúng tôi, với nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tham gia thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số … được cấp bởi ... ngày… tháng … năm …

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: … (3) …

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đề nghị tham gia thử nghiệm:

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

a) Thời gian thử nghiệm (không quá 03 năm): Từ …/…/… đến …/…/…

b) Không gian thử nghiệm:

c) Phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

d) Nội dung đề xuất các quy định được phép không áp dụng hoặc được phép áp dụng khi triển khai thử nghiệm:

…….

…….

4. Hồ sơ kèm theo (đánh dấu X vào ô tương ứng):

□ Kế hoạch thử nghiệm (gồm: thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm và các thông tin khác liên quan).

□ Báo cáo đánh giá tác động đến người tham gia thử nghiệm, tổ chức, cá nhân có liên quan.

□ Báo cáo đánh giá về lợi ích, tính mới, giá trị mới, đổi mới sáng tạo, khả năng thương mại hóa của sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đề nghị thử nghiệm.

□ Phương án bảo đảm an toàn (về tài sản, sức khỏe, tính mạng, quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia, cộng đồng, xã hội; bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; biện pháp kiểm soát rủi ro; cơ chế giải quyết khiếu nại của người tham gia thử nghiệm có kiểm soát; phạm vi, biện pháp bồi thường thiệt hại, phương án khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật dân sự trong quá trình thử nghiệm và khi kết thúc thử nghiệm).

□ Phương án kỹ thuật để cung cấp sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thử nghiệm (gồm: tài liệu về đặc tính kỹ thuật, tham số kỹ thuật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tiêu chuẩn, chất lượng; các biện pháp, giải pháp kỹ thuật liên quan; phương án bảo trì và các nội dung kỹ thuật liên quan khác).

5. Cam kết của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tham gia thử nghiệm:

Chúng tôi cam kết:

a) Tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật và nội dung được phê duyệt;

b) Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong Đơn và các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ; không sao chép, giả mạo giấy tờ chứng minh điều kiện và tiêu chí thử nghiệm;

c) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và cung cấp thông tin khi được yêu cầu.

Nếu vi phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét hồ sơ và cấp phép tham gia thử nghiệm theo quy định.

Trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

… (1) …: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

… (2) …: Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký tham gia thử nghiệm.

… (3) …: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS02. Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /QĐ-...	*..., ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Xét Đơn đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số và hồ sơ kèm theo của ... (1) ...;

Theo đề nghị của ... (2) ...;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số với nội dung như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số … được cấp bởi ... ngày… tháng … năm …

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: … (4) …

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thử nghiệm:

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

a) Thời gian thử nghiệm (không quá 03 năm): Từ …/…/… đến …/…/…

b) Không gian thử nghiệm:

c) Phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

4. Phê duyệt phương án, kế hoạch thử nghiệm kèm theo (trong đó nêu rõ quy định được phép không áp dụng hoặc được phép áp dụng khi triển khai thử nghiệm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thử nghiệm.

Điều 3. … (2) …, … (1) …, … (3) … và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...;
...
- Lưu: ...

… (1) …: Tên tổ chức, doanh nghiệp.

… (2) …: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

… (3) …: Người đứng đầu đơn vị được phân công phối hợp bởi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

… (4) …: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

2. Thủ tục Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên) (Mã TTHC: 1.014917)

Trình tự thực hiện	1. Hồ sơ đề nghị gia hạn thử nghiệm nộp cho *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* trước thời điểm hết thời gian thử nghiệm tối thiểu 60 ngày. Hồ sơ được gửi qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. 2. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn thử nghiệm đầy đủ, hợp lệ, muộn nhất *10 ngày làm việc* trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* xem xét, quyết định cho phép gia hạn thử nghiệm bằng Quyết định gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS04 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP; trường hợp không gia hạn, phải thông báo lý do bằng văn bản.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã bất kỳ).
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Thành phần hồ sơ 1. Đơn đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. 2. Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS11 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP và đề xuất phương án gia hạn thử nghiệm. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm sau khi nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn thử nghiệm đầy đủ, hợp lệ. *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.
Kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Quyết định gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Mẫu TNCNS03: Đơn đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. - Mẫu TNCNS11: Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Luật Công nghiệp công nghệ số 71/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số. *- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về việc phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành*

	chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Mẫu số TNCNS03. Đơn đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

Kính gửi: … (1) …

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Chúng tôi, … (2) … trân trọng đề nghị … (1) … xem xét, quyết định cho phép gia hạn thử nghiệm có kiểm soát cho sản phẩm, dịch vụ của chúng tôi, với nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp đề nghị gia hạn thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số … được cấp bởi ... ngày… tháng … năm …

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: … (3) …

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ đang thử nghiệm

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Được cấp phép thử nghiệm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...

4. Thời gian thử nghiệm được cấp ban đầu

Từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm …

5. Lý do đề nghị gia hạn

(Trình bày rõ lý do cần gia hạn, kèm các tài liệu chứng minh)

6. Thời gian gia hạn đề nghị

Gia hạn thêm … tháng, từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng …năm …

Chúng tôi cam kết tuân thủ đầy đủ quy định về thử nghiệm tại Nghị định số 353/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan trong thời gian gia hạn; thực hiện thử nghiệm đúng thời gian được gia hạn, không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm và báo cáo định kỳ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực của thông tin và tài liệu trong đơn này. Nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét và chấp thuận gia hạn thử nghiệm cho chúng tôi.

Trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ gửi kèm: Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm (Mẫu số TNCNS11) và tài liệu liên quan khác.	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

… (1) …: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

… (2) …: Tổ chức, doanh nghiệp đề nghị gia hạn.

… (3) …: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS04. Quyết định gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /QĐ-...	*..., ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Xét Đơn đề nghị gia hạn thử nghiệm của ... (2) ... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của ... (3) ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số với nội dung như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp được gia hạn thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số … được cấp bởi ... ngày… tháng … năm …

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: … (5) …

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số được gia hạn thử nghiệm:

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Về việc gia hạn thử nghiệm

… (2) … được tiếp tục thử nghiệm thêm … (ngày/tháng) kể từ khi kết thúc thời gian thử nghiệm theo Quyết định cấp phép thử nghiệm số …

… (2) … có trách nhiệm triển khai thử nghiệm bảo đảm đúng quy định tại Quyết định này và Quyết định cấp phép thử nghiệm số …

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. … (3) …, … (2) …, … (4) … và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...;
...
- Lưu: ...

… (1) …: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

… (2) …: Tên tổ chức, doanh nghiệp.

… (3) …: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

… (4) …: Người đứng đầu đơn vị được phân công phối hợp bởi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

… (5) …: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS11. Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

Kính gửi: … (1) …

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số … được cấp bởi ... ngày… tháng … năm …

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: … (2) …

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thử nghiệm

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

a) Thời gian thử nghiệm: Từ …/…/… đến …/…/…

b) Không gian thử nghiệm:

c) Phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

4. Được cấp phép thử nghiệm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...

5. Kết quả đạt được

- Mục tiêu đã hoàn thành:

- Các chỉ tiêu kỹ thuật, vận hành:

- Phản hồi từ người dùng/đối tượng tham gia:

- Các thông tin khác nếu có

6. Khó khăn, vướng mắc, giải pháp khắc phục, đề xuất kiến nghị

- Khó khăn, vướng mắc:

- Nguyên nhân:

- Giải pháp khắc phục:

- Đề xuất, kiến nghị:

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...;
...
- Lưu: ...

… (1) …: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

… (2) …: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

3. Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên) (Mã TTHC: 1.014918)

Trình tự thực hiện	1. Hồ sơ đề nghị kết thúc thử nghiệm nộp cho *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* trước thời điểm đề xuất kết thúc tối thiểu 30 ngày. Hồ sơ được gửi qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. 2. Sau *10 ngày làm việc* kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị kết thúc thử nghiệm đầy đủ, hợp lệ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* xem xét, quyết định kết thúc thử nghiệm bằng Quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS07 hoặc Quyết định chứng nhận hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS10 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã bất kỳ).
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Thành phần hồ sơ 1. Đơn đề nghị kết thúc thử nghiệm (trước thời hạn hoặc chứng nhận hoàn thành thử nghiệm) sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS06 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. 2. Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đến thời điểm đề xuất kết thúc thử nghiệm theo Mẫu TNCNS11 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP; báo cáo giải trình lý do đề nghị kết thúc thử nghiệm.

	- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị kết thúc thử nghiệm đầy đủ, hợp lệ. *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số hoặc Quyết định chứng nhận hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Mẫu TNCNS06: Đơn đề nghị kết thúc thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (trước thời hạn hoặc chứng nhận hoàn thành thử nghiệm). - Mẫu TNCNS11: Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Luật Công nghiệp công nghệ số 71/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số. *- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về việc phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.*

Mẫu số TNCNS06. Đơn đề nghị kết thúc thử nghiệm trước thời hạn/chứng nhận hoàn thành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

kết thúc thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số
(trước thời hạn/chứng nhận hoàn thành thử nghiệm) (*)

Kính gửi: … (1) …

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Chúng tôi, … (2) … trân trọng đề nghị … (1) … xem xét, quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn/chứng nhận hoàn thành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số của chúng tôi, với nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp đề nghị kết thúc thử nghiệm trước thời hạn/chứng nhận hoàn thành thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số … được cấp bởi ... ngày… tháng … năm …

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: … (3) …

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ đang thử nghiệm

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Được cấp phép thử nghiệm theo Quyết định số ... ngày … tháng ... năm ...

4. Thời gian thử nghiệm được cấp ban đầu

Từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm …

5. Thời điểm đề nghị kết thúc thử nghiệm trước thời hạn/Thời điểm kết thúc thử nghiệm (đối với trường hợp đề nghị chứng nhận hoàn thành thử nghiệm): ngày … tháng … năm …

6. Lý do đề nghị kết thúc thử nghiệm

(Trình bày rõ lý do, ví dụ: kết thúc thử nghiệm đúng thời hạn hoặc hoàn thành mục tiêu thử nghiệm sớm, hiệu quả đạt yêu cầu, không còn nhu cầu tiếp tục, hoặc phát sinh yếu tố khiến việc tiếp tục thử nghiệm không còn phù hợp…)…

Chúng tôi cam kết:

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo kết quả thử nghiệm đến thời điểm kết thúc.

- Tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến việc kết thúc thử nghiệm trước thời hạn.

- Bảo đảm quyền lợi của khách hàng, đối tác, người tham gia thử nghiệm có kiểm soát liên quan đến sản phẩm, dịch vụ đang thử nghiệm.

- Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin trong đơn này.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, chấp thuận cho chúng tôi kết thúc thử nghiệm có kiểm soát trước thời hạn/chứng nhận hoàn thành thử nghiệm đối với sản phẩm, dịch vụ nêu trên.

Trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm: …

… (1) …: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

… (2) …: Tên tổ chức, doanh nghiệp.

… (3) …: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

(*): Sử dụng 1 trong 2 trường hợp.

Mẫu số TNCNS07. Quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /QĐ-...	*..., ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kết thúc thử nghiệm trước thời hạn sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Xét tình hình thực hiện thử nghiệm của ... (2) ...; đề xuất của ... (3) .... và đơn đề nghị của... (2) ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết thúc thử nghiệm trước thời hạn đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số với nội dung như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp kết thúc thử nghiệm trước thời hạn:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số … được cấp bởi ... ngày… tháng … năm …

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: … (5) …

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số kết thúc thử nghiệm trước thời hạn:

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Về việc kết thúc thử nghiệm trước thời hạn:

a) Thời điểm kết thúc thử nghiệm trước thời hạn: ngày … tháng … năm …

b) Lý do kết thúc thử nghiệm trước thời hạn:

(Trình bày rõ lý do, ví dụ: theo đề nghị của tổ chức hoặc hoàn thành mục tiêu thử nghiệm, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý, ...)

Điều 2. Tổ chức/doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ báo cáo kết quả thử nghiệm đến thời điểm kết thúc;

2. Bảo đảm quyền lợi của khách hàng, đối tác, người tham gia thử nghiệm có kiểm soát liên quan đến sản phẩm, dịch vụ;

3. Tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến việc kết thúc thử nghiệm trước thời hạn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày …

Điều 4. … (3) …, … (2) …, … (4) … và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...;
...
- Lưu: ...

… (1) …: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

… (2) …: Tên tổ chức, doanh nghiệp.

… (3) …: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

… (4) …: Người đứng đầu đơn vị được phân công phối hợp bởi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

… (5) …: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS10. Quyết định chứng nhận hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /QĐ-...	*..., ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Xét kết quả thực hiện thử nghiệm của ... (2) ...; đề xuất của ... (3) .... và đơn đề nghị của... (2) ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức, doanh nghiệp đã hoàn thành thử nghiệm:

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số … được cấp bởi ... ngày… tháng … năm …

3. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

4. Địa điểm đặt trụ sở chính:

5. Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

6. Người đại diện theo pháp luật: … (4) …

- Họ và tên:

- Chức vụ:

- Sinh ngày: Quốc tịch:

- Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

Điều 2. Sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đã hoàn thành thử nghiệm:

1. Tên sản phẩm, dịch vụ:

2. Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

3. Mục tiêu thử nghiệm:

Điều 3. Thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

1. Thời gian thử nghiệm: Từ …/…/… đến …/…/…

2. Không gian thử nghiệm:

3. Phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

Điều 4. Được cấp phép thử nghiệm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...

Điều 5. Kết quả thử nghiệm:

(Tóm tắt kết quả đạt được, xác nhận sản phẩm, dịch vụ đáp ứng các tiêu chí theo quy định pháp luật)

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như Điều 1;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...;
...
- Lưu: ...

… (1) …: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

… (2) …: Tên tổ chức, doanh nghiệp.

… (3) …: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

… (4) …: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

4. Thủ tục Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên) (Mã TTHC: 1.014919)

Trình tự thực hiện	1. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh thử nghiệm nộp cho *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* trước thời điểm đề xuất điều chỉnh thử nghiệm tối thiểu 30 ngày. Hồ sơ được gửi qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. 2. Sau *10 ngày làm việc* kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị điều chỉnh thử nghiệm đầy đủ, hợp lệ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* xem xét, quyết định cho phép điều chỉnh thử nghiệm bằng Quyết định điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS09 hoặc Quyết định tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP hoặc từ chối bằng văn bản và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã bất kỳ).
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Thành phần hồ sơ 1. Đơn đề nghị điều chỉnh thử nghiệm (điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm hoặc tạm dừng thử nghiệm) sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu TNCNS08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. 2. Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đến thời điểm đề xuất điều chỉnh theo Mẫu TNCNS11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số

	353/2025/NĐ-CP; báo cáo giải trình lý do đề nghị điều chỉnh thử nghiệm. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.
Kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Quyết định điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số hoặc Quyết định tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Mẫu TNCNS08: Đơn đề nghị điều chỉnh thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm hoặc tạm dừng thử nghiệm). - Mẫu TNCNS11: Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Luật Công nghiệp công nghệ số 71/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.

	- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về việc phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Mẫu số TNCNS08. Đơn đề nghị điều chỉnh kế hoạch, phương án/tạm dừng thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Điều chỉnh thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số
(điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm/tạm dừng thử nghiệm) (*)

Kính gửi: … (1) …

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Chúng tôi, … (2) … trân trọng đề nghị … (1) … xem xét, quyết định cho phép điều chỉnh kế hoạch, phương án/tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát cho sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số của chúng tôi, với nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp đề nghị điều chỉnh kế hoạch, phương án/tạm dừng thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số … được cấp bởi ... ngày… tháng … năm …

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: … (3) …

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ đang thử nghiệm

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Được cấp phép thử nghiệm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...

4. Thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm đã được cấp phép:

a) Thời gian thử nghiệm: Từ …/…/… đến …/…/…

b) Không gian thử nghiệm:

c) Phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

5. Nội dung đề nghị điều chỉnh kế hoạch, phương án/tạm dừng thử nghiệm

(Trình bày rõ, cụ thể điều chỉnh kế hoạch và lý do đề nghị điều chỉnh kế hoạch, phương án/tạm dừng thử nghiệm)

Chúng tôi cam kết:

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo kết quả thử nghiệm đến thời điểm điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm.

- Tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan khi điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm.

- Bảo đảm quyền lợi của khách hàng, đối tác, người tham gia thử nghiệm có kiểm soát liên quan đến sản phẩm, dịch vụ đang thử nghiệm.

- Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin trong đơn này.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, chấp thuận cho chúng tôi điều chỉnh kế hoạch, phương án/tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ nêu trên.

Trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:…

… (1) …: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

… (2) …: Tên tổ chức, doanh nghiệp.

… (3) …: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

(*): Sử dụng 1 trong 2 trường hợp.

Mẫu số TNCNS09. Quyết định điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /QĐ-...	*..., ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Xét tình hình thực hiện thử nghiệm của ... (2) ... ; đề xuất của ... (3) .... và đơn đề nghị điều chỉnh của .... (2) ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số với nội dung như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số … được cấp bởi ... ngày… tháng … năm …

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: … (5) …

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đang thử nghiệm:

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Nội dung điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm:

Điều 2. … (2) … có trách nhiệm triển khai thử nghiệm đúng theo Quyết định cấp phép thử nghiệm và nội dung điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. … (3) …, … (2) …, … (4) … và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...;
- Lưu: ...

… (1) …: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

… (2) …: Tên tổ chức, doanh nghiệp.

… (3) …: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

… (4) …: Người đứng đầu đơn vị được phân công phối hợp bởi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

… (5) …: Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS05. Quyết định tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /QĐ-...	*..., ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Xét tình hình thực hiện thử nghiệm hoặc đề xuất tạm dừng của ... (2) ... và đề xuất của ... (3) ....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số:

- Tên sản phẩm, dịch vụ đang thử nghiệm:

- Tên tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm:

- Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

- Được cấp phép thử nghiệm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...

Điều 2. Thời gian tạm dừng: từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng… năm … hoặc đến thời điểm có văn bản cho phép tiếp tục thử nghiệm hoặc Quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn.

Điều 3. Lý do tạm dừng:

(Ghi rõ lý do: theo khoản nào của Điều 19 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số)

Điều 4. Trong thời gian tạm dừng, ... *(2)* ... phải:

- Ngừng ngay việc triển khai thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ.

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm quyền lợi của khách hàng, đối tác, người tham gia thử nghiệm có kiểm soát.

- Báo cáo cho cơ quan quản lý về tình hình khắc phục sự cố.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định về thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo quy định tại Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. … (3) …, … (2) …, … (4) … và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...;
...
- Lưu: ...

… (1) …: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

… (2) …: Tên tổ chức, doanh nghiệp.

… (3) …: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

… (4) …: Người đứng đầu đơn vị được phân công phối hợp bởi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

II. LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐIỆN TỬ: 03 TTHC (PHÂN QUYỀN)

1. Thủ tục Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu (Mã TTHC: 1.014636)

Trình tự thực hiện	1. Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu *trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công* hoặc theo hình thức trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia; 2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, *cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, thông báo để thương nhân hoàn thiện hồ sơ*; 3. Trường hợp cần thiết, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, *cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến cơ quan có liên quan*. Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, các cơ quan liên quan có văn bản trả lời; 4. Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến trả lời của các cơ quan liên quan, *cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và có văn bản trả lời việc cho phép hay không cho phép thương nhân nhập khẩu hàng hóa*. Trường hợp không cho phép, nêu rõ lý do. Trường hợp không phải lấy ý kiến, trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, *cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và có văn bản trả lời việc cho phép hay không cho phép thương nhân nhập khẩu hàng hóa*; trường hợp không cho phép, nêu rõ lý do.

Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã bất kỳ).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Văn bản đề nghị nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu thực hiện *theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I.3.1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*: 01 bản chính; b) Tài liệu thuyết minh về kế hoạch sử dụng, quy trình quản lý hàng hóa nhập khẩu trong quá trình sử dụng tại Việt Nam; phương án xử lý hàng hóa nhập khẩu sau khi sử dụng tại Việt Nam: 01 bản chính; c) Báo cáo tình hình thực hiện các giấy phép đã được cấp trước đó (nếu có) thực hiện *theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I.3.1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NĐ-CP*: 01 bản chính; d) Đối với trường hợp cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu phục vụ mục đích đặc dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 26/2025/TT-BKHCN, tài liệu thuyết minh phải bảo đảm các nội dung sau: - Trường hợp di chuyển phương tiện sản xuất trong cùng một tổ chức: thể hiện mối quan hệ giữa thương nhân và tổ chức nước ngoài; thể hiện hàng hóa nhập khẩu chỉ phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất của thương nhân nhập khẩu; - Trường hợp làm thiết bị điều khiển, vận hành, khai thác, kiểm tra hoạt động của một phần hoặc toàn bộ hệ thống, dây chuyền sản xuất: thể hiện hàng hóa nhập khẩu là thiết bị, bộ phận cấu thành của hệ

	thống dây chuyền sản xuất; thể hiện sản phẩm nhập khẩu chỉ phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất của thương nhân nhập khẩu; - Trường hợp phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất phần mềm, gia công quy trình kinh doanh bằng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu cho đối tác nước ngoài: thể hiện thời hạn và phương án xử lý (tiêu hủy, tái xuất) hàng hóa nhập khẩu sau khi kết thúc hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ; - Trường hợp là sản phẩm công nghệ thông tin chuyên dùng: thông tin về thời hạn sử dụng hàng hóa không quá 03 năm kể từ ngày sản xuất đến ngày mở tờ khai nhập khẩu; mô tả và thuyết minh tính năng chuyên dùng của hàng hóa nhập khẩu; chứng minh hàng hóa có hiệu quả sử dụng cho quá trình sản xuất thực tế; - Trường hợp tái nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã hết thời hạn bảo hành sau khi đưa ra nước ngoài để sửa chữa: thông tin về hàng hóa và hồ sơ xuất khẩu để đưa ra nước ngoài để sửa chữa; - Trường hợp là sản phẩm, linh kiện đã được tân trang để thay thế, sửa chữa cho người sử dụng trong nước mà sản phẩm, linh kiện đó hiện nay không còn được sản xuất: thông tin về hàng hóa nhập khẩu đã được tân trang và không còn được sản xuất; quy trình, công đoạn của hệ thống dịch vụ bảo hành, bảo trì, thay thế, sửa chữa cho khách hàng trong nước; mục đích thay thế cho các sản phẩm, linh kiện bị lỗi, hỏng của khách hàng trong nước, không được chuyển nhượng, bán lại; việc thu hồi sau khi thay thế cho khách hàng phải được tái xuất hoặc xử lý tiêu hủy theo quy định của pháp luật. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan có thẩm quyền: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Văn bản trả lời cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Mẫu số 01: Văn bản đề nghị nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.* *- Mẫu số 02: Báo cáo tình hình thực hiện các giấy phép đã được cấp trước đó (nếu có).*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; *- Nghị quyết số 66.18/2026/NĐ-CP của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;* - Thông tư số 26/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu và thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.

Mẫu số 01

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: …….

……, ngày tháng năm 202…

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP NHẬP KHẨU HÀNG HÓA THUỘC DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÃ QUA SỬ DỤNG CẤM NHẬP KHẨU

Kính gửi: …[1]

- Tên thương nhân: .....

- Mã số doanh nghiệp: .....

- Địa chỉ: .....

- Địa chỉ trang web (nếu có): .....

- Phương thức liên lạc: .....

Điện thoại: Email:

- Cá nhân chịu trách nhiệm khi được liên lạc: .....

1. Thông tin về hàng hóa nhập khẩu

- Tên hàng hóa: .....

- Mô tả, đặc điểm kỹ thuật: .....

- Mã HS: .....

- Số lượng: .....

- Xuất xứ, nguồn gốc: .....

- Nhà sản xuất: .....

- Tình trạng hàng hóa: .....

2. Mục đích nhập khẩu *(nêu rõ mục đích nhập khẩu phù hợp với mục đích quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP).*

3. Thuyết minh sự cần thiết phải nhập khẩu hàng hóa để phục vụ cho mục đích nêu tại mục 2.

4. Nhà xuất khẩu: .....

5. Thời gian dự kiến nhập khẩu: .....

6. Thời gian dự kiến lưu tại Việt Nam: .....

7. Các tài liệu kèm theo:

[Thương nhân] xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung kê khai và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo đơn này và cam kết thực hiện tuân thủ đúng quy định của pháp luật về nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
[Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu]

---

[1] Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thương nhân nộp hồ sơ.

Mẫu số 02

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: …….

……, ngày tháng năm 202...

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu

Kính gửi: ….[2]

[Thương nhân] xin báo cáo tình hình thực hiện nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu như sau:

1. Văn bản cho phép nhập khẩu … (số/ký hiệu), thời gian chốt số liệu từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm …

Danh mục được cấp phép						**Báo cáo tình hình nhập khẩu/xuất khẩu, sử dụng và xử lý hàng hóa đã sử dụng xong**						
TT	Tên hàng	Model /Số serie	Mã HS	Số lượng được cấp phép	Số lượng đã nhập khẩu/xuất khẩu	TKHQ NK/XK (số/ngày)	Tình hình sử dụng		Tình hình xử lý hàng đã sử dụng xong			Ghi chú
							Đang sử dụng	Đã sử dụng xong	Đã tái xuất	Tiêu hủy	Xử lý khác	
									(Ghi rõ số Tờ khai HQ tái xuất)			

2. Văn bản cho phép nhập khẩu … (số/ký hiệu), thời gian chốt số liệu từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm …

Nội dung báo cáo như bảng trên.

[Thương nhân] cam đoan những nội dung kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai [Thương nhân] hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
[Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu]

---

[2] Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thương nhân nộp hồ sơ.

2. Thủ tục Cho phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài (Mã TTHC: 1.014637)

Trình tự thực hiện	1. Thương nhân gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài *trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công* hoặc theo hình thức trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia; 2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, *cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thông báo để thương nhân hoàn thiện hồ sơ*; 3. Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, *cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và có văn bản trả lời về việc cho phép hay không cho phép thương nhân gia công hàng hóa. Trường hợp không cho phép, phải nêu rõ lý do. Trường hợp cần trao đổi với các cơ quan liên quan về hồ sơ đề nghị của thương nhân, thời gian xử lý hồ sơ tính từ thời điểm cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận được văn bản trả lời của các cơ quan liên quan.*
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã bất kỳ).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Văn bản đề nghị cho phép thực hiện gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập

	khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài *theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này*: 01 bản chính; b) Giấy tờ chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh (nếu có): 01 bản sao. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	06 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan có thẩm quyền: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.
Kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Văn bản trả lời cho phép hoặc không cho phép gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Mẫu số 03: Văn bản đề nghị thực hiện gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; *- Nghị quyết số 66.18/2026/NĐ-CP của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;* - Thông tư số 26/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu và thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.

Mẫu số 03

TÊN THƯƠNG NHÂN **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …….	*……, ngày tháng năm 202...*

Kính gửi: …[3]

- Tên thương nhân: .....

- Mã số doanh nghiệp: .....

- Địa chỉ: .....

- Địa chỉ trang web (nếu có): .....

- Phương thức liên lạc: .....

Điện thoại: Email:

- Cá nhân chịu trách nhiệm khi được liên lạc: .....

Địa điểm sản xuất: .....

Số xưởng sản xuất, số chuyền sản xuất:.....

Số lượng lao động: .....

Đề nghị [Cơ quan cấp phép] xem xét cấp Giấy phép gia công hàng hóa, với các thông tin cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ của các bên ký hợp đồng và bên gia công trực tiếp.

2. Tên, số lượng sản phẩm gia công.

3. Giá gia công.

4. Thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán.

5. Danh mục, số lượng, trị giá nguyên liệu, phụ liệu, vật tư nhập khẩu và nguyên liệu, phụ liệu, vật tư sản xuất trong nước (nếu có) để gia công; định mức sử dụng nguyên liệu, phụ liệu, vật tư; định mức vật tư tiêu hao và tỷ lệ hao hụt nguyên liệu trong gia công.

6. Danh mục và trị giá máy móc, thiết bị cho thuê, cho mượn hoặc tặng cho để phục vụ gia công (nếu có).

7. Biện pháp xử lý phế liệu, phế thải, phế phẩm và nguyên tắc xử lý máy móc, thiết bị thuê, mượn, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư dư thừa sau khi kết thúc hợp đồng gia công.

8. Địa điểm và thời gian giao hàng.

9. Nhãn hiệu hàng hóa và tên gọi xuất xứ hàng hóa.

10. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

[Thương nhân] xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này và cam kết thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương và pháp luật có liên quan./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
[Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu]

---

[3] Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thương nhân nộp hồ sơ.

3. Thủ tục Bổ sung, sửa đổi Giấy phép, cấp lại do mất, thất lạc Giấy phép cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài (Mã TTHC: 1.014638)

Trình tự thực hiện	a) Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị bổ sung, sửa đổi, cấp lại Giấy phép gia công hàng hóa *trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công* hoặc theo hình thức trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia; b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thông báo cho thương nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ*; c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định bổ sung, sửa đổi, cấp lại Giấy phép; trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã bất kỳ).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ *a) Đơn đề nghị bổ sung, sửa đổi, cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này*: 01 bản chính; b) Giấy phép gia công đã được cấp (nếu có): 01 bản sao;

	c) Tài liệu liên quan đến việc bổ sung, sửa đổi, cấp lại Giấy phép hoặc tài liệu có liên quan đến việc mất, thất lạc, hư hỏng Giấy phép (nếu có): 01 bản sao. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan có thẩm quyền: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cho thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Không có.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

	- Nghị quyết số 66.18/2026/NĐ-CP của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; - Thông tư số 26/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu và thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.

Mẫu số 04

TÊN THƯƠNG NHÂN **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …….	*……, ngày tháng năm 202...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY PHÉP THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG GIA CÔNG HÀNG HÓA THUỘC DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÃ QUA SỬ DỤNG CẤM NHẬP KHẨU CHO THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI ĐỂ TIÊU THỤ TẠI NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: …[4]

- Tên thương nhân: .....

- Mã số doanh nghiệp: .....

- Địa chỉ: .....

- Địa chỉ trang web (nếu có): .....

- Phương thức liên lạc: .....

Điện thoại: Email:

- Cá nhân chịu trách nhiệm khi được liên lạc: .....

- Đã được cấp [Giấy phép] ngày … tháng … năm…, có hiệu lực đến …

[Thương nhân] xin đề nghị [Cơ quan cấp phép] xem xét, sửa đổi, bổ sung/cấp lại [Giấy phép] theo các nội dung sau:

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung (đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung)

Thông tin cũ:

Thông tin mới:

2. Lý do sửa đổi, bổ sung/lý do đề nghị cấp lại

3. Hồ sơ kèm theo:

- …

- …

[Thương nhân] xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này và cam kết thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương và pháp luật có liên quan./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
[Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu]

---

[4] Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thương nhân nộp hồ sơ.

PHẦN II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ : 04 TTHC

1. Thủ tục Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên) (Mã TTHC - 1.014916)

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 3	- Chuyên viên thụ lý hồ sơ - Thẩm định hồ sơ - Dự thảo Kết quả:	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng	46 ngày làm việc

	+ Thông báo (thẩm định không đạt) + Dự thảo Văn bản trả lời (thẩm định đạt)	tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	
Bước 4	Kiểm tra kết quả xử lý, xem xét để trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	01 ngày làm việc
Bước 5	Ký tờ trình, chuyển UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
Bước 6	Vào số văn bản, lưu trữ hồ sơ; phát hành văn bản thẩm định trình UBND tỉnh	Chuyên viên Văn phòng Sở (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 7	- Tiếp nhận hồ sơ, hoàn chỉnh nội dung dự thảo kết quả giải quyết TTHC. - Trình ký.	Công chức Văn phòng UBND tỉnh	04 ngày làm việc
	- Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC.	Lãnh đạo UBND tỉnh	
	- Phát hành văn bản (kèm toàn bộ hồ sơ TTHC). - Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Sở Khoa học và Công nghệ.	Công chức Văn phòng UBND tỉnh	
Bước 8	Sở Khoa học và Công nghệ nhận kết quả giải quyết TTHC từ Văn phòng UBND tỉnh; số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC, chuyển trả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và chuyển trả kết quả giấy cho Trung tâm PVHCC.	Văn thư và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 9	- Tiếp nhận Kết quả. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	02 giờ làm việc

	hoặc theo nhu cầu đăng ký nhận kết quả TTHC của cá nhân/tổ chức.		
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 54 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ. *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*			

2. Thủ tục Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên) (Mã TTHC - 1.014917)

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 3	- Chuyên viên thụ lý hồ sơ - Thẩm định hồ sơ - Dự thảo Kết quả:	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 ngày làm việc
	+ Thông báo (thẩm định không đạt)		
	+ Dự thảo Văn bản trả lời (thẩm định đạt)		

Bước 4	Kiểm tra kết quả xử lý, xem xét để trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	01 ngày làm việc
Bước 5	Ký tờ trình, chuyển UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
Bước 6	Vào số văn bản, lưu trữ hồ sơ; phát hành văn bản thẩm định trình UBND tỉnh	Chuyên viên Văn phòng Sở (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 7	- Tiếp nhận hồ sơ, hoàn chỉnh nội dung dự thảo kết quả giải quyết TTHC. - Trình ký.	Công chức Văn phòng UBND tỉnh	02 ngày làm việc
	- Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC.	Lãnh đạo UBND tỉnh	
	- Phát hành văn bản (kèm toàn bộ hồ sơ TTHC). - Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Sở Khoa học và Công nghệ.	Công chức Văn phòng UBND tỉnh	
Bước 8	Sở Khoa học và Công nghệ nhận kết quả giải quyết TTHC từ Văn phòng UBND tỉnh; số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC, chuyển trả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và chuyển trả kết quả giấy cho Trung tâm PVHCC.	Văn thư và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 9	- Tiếp nhận Kết quả. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ hoặc theo nhu cầu đăng ký nhận kết quả TTHC của cá nhân/tổ chức.	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 10 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ.			

(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)

3. Thủ tục Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên) (Mã TTHC - 1.014918)

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 3	- Chuyên viên thụ lý hồ sơ - Thẩm định hồ sơ - Dự thảo Kết quả:	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 ngày làm việc
	+ Thông báo (thẩm định không đạt)		
	+ Dự thảo Văn bản trả lời (thẩm định đạt)		

Bước 4	Kiểm tra kết quả xử lý, xem xét để trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	01 ngày làm việc
Bước 5	Ký tờ trình, chuyển UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
Bước 6	Vào số văn bản, lưu trữ hồ sơ; phát hành văn bản thẩm định trình UBND tỉnh	Chuyên viên Văn phòng Sở (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 7	- Tiếp nhận hồ sơ, hoàn chỉnh nội dung dự thảo kết quả giải quyết TTHC. - Trình ký.	Công chức Văn phòng UBND tỉnh	02 ngày làm việc
	- Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC.	Lãnh đạo UBND tỉnh	
	- Phát hành văn bản (kèm toàn bộ hồ sơ TTHC). - Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Sở Khoa học và Công nghệ.	Công chức Văn phòng UBND tỉnh	
Bước 8	Sở Khoa học và Công nghệ nhận kết quả giải quyết TTHC từ Văn phòng UBND tỉnh; số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC, chuyển trả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và chuyển trả kết quả giấy cho Trung tâm PVHCC.	Văn thư và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 9	- Tiếp nhận Kết quả. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ hoặc theo nhu cầu đăng ký nhận kết quả TTHC của cá nhân/tổ chức.	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 10 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ.			

(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)

4. Thủ tục Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên) (Mã TTHC - 1.014919)

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 3	- Chuyên viên thụ lý hồ sơ - Thẩm định hồ sơ - Dự thảo Kết quả:	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 ngày làm việc
	+ Thông báo (thẩm định không đạt)		
	+ Dự thảo Văn bản trả lời (thẩm định đạt)		

Bước 4	Kiểm tra kết quả xử lý, xem xét để trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	01 ngày làm việc
Bước 5	Ký tờ trình, chuyển UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
Bước 6	Vào số văn bản, lưu trữ hồ sơ; phát hành văn bản thẩm định trình UBND tỉnh	Chuyên viên Văn phòng Sở (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 7	- Tiếp nhận hồ sơ, hoàn chỉnh nội dung dự thảo kết quả giải quyết TTHC. - Trình ký.	Công chức Văn phòng UBND tỉnh	02 ngày làm việc
	- Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC.	Lãnh đạo UBND tỉnh	
	- Phát hành văn bản (kèm toàn bộ hồ sơ TTHC). - Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Sở Khoa học và Công nghệ.	Công chức Văn phòng UBND tỉnh	
Bước 8	Sở Khoa học và Công nghệ nhận kết quả giải quyết TTHC từ Văn phòng UBND tỉnh; số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC, chuyển trả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và chuyển trả kết quả giấy cho Trung tâm PVHCC.	Văn thư và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 9	- Tiếp nhận Kết quả. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ hoặc theo nhu cầu đăng ký nhận kết quả TTHC của cá nhân/tổ chức.	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 10 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ.			

(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)

II. LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐIỆN TỬ : 03 TTHC

1. Thủ tục Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu (Mã TTHC - 1.014636)

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 3	- Chuyên viên thụ lý hồ sơ - Thẩm định hồ sơ - Dự thảo Kết quả:	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng	02 ngày làm việc
	+ Thông báo (thẩm định không đạt)		

	+ Dự thảo Văn bản trả lời (thẩm định đạt)	tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	
Bước 4	Kiểm tra kết quả xử lý, xem xét để trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 5	Ký tờ trình, chuyển UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	04 giờ làm việc
Bước 6	Vào số văn bản, lưu trữ hồ sơ; phát hành văn bản thẩm định trình UBND tỉnh	Chuyên viên Văn phòng Sở (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 7	- Tiếp nhận hồ sơ, hoàn chỉnh nội dung dự thảo kết quả giải quyết TTHC. - Trình ký.	Công chức Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
	- Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC.	Lãnh đạo UBND tỉnh	
	- Phát hành văn bản (kèm toàn bộ hồ sơ TTHC). - Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Sở Khoa học và Công nghệ.	Công chức Văn phòng UBND tỉnh	
Bước 8	Sở Khoa học và Công nghệ nhận kết quả giải quyết TTHC từ Văn phòng UBND tỉnh; số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC, chuyển trả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và chuyển trả kết quả giấy cho Trung tâm PVHCC.	Văn thư và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 9	- Tiếp nhận Kết quả. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ hoặc theo nhu cầu đăng ký nhận kết quả TTHC của cá nhân/tổ chức.	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	02 giờ làm việc

Tổng thời gian giải quyết TTHC: 06 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ.
(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)

2. Thủ tục Cho phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài (Mã TTHC - 1.014637)

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 3	- Chuyên viên thụ lý hồ sơ - Thẩm định hồ sơ - Dự thảo Kết quả:	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng	02 ngày làm việc
	+ Thông báo (thẩm định không đạt)		

	+ Dự thảo Văn bản trả lời (thẩm định đạt)	tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	
Bước 4	Kiểm tra kết quả xử lý, xem xét để trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 5	Ký tờ trình, chuyển UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	04 giờ làm việc
Bước 6	Vào số văn bản, lưu trữ hồ sơ; phát hành văn bản thẩm định trình UBND tỉnh	Chuyên viên Văn phòng Sở (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 7	- Tiếp nhận hồ sơ, hoàn chỉnh nội dung dự thảo kết quả giải quyết TTHC. - Trình ký.	Công chức Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
	- Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC.	Lãnh đạo UBND tỉnh	
	- Phát hành văn bản (kèm toàn bộ hồ sơ TTHC). - Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Sở Khoa học và Công nghệ.	Công chức Văn phòng UBND tỉnh	
Bước 8	Sở Khoa học và Công nghệ nhận kết quả giải quyết TTHC từ Văn phòng UBND tỉnh; số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC, chuyển trả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và chuyển trả kết quả giấy cho Trung tâm PVHCC.	Văn thư và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 9	- Tiếp nhận Kết quả. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ hoặc theo nhu cầu đăng ký nhận kết quả TTHC của cá nhân/tổ chức.	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	02 giờ làm việc

Tổng thời gian giải quyết TTHC: 06 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ.
(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)

3. Thủ tục Bổ sung, sửa đổi Giấy phép, cấp lại do mất, thất lạc Giấy phép cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài (Mã TTHC - 1.014638)

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 3	- Chuyên viên thụ lý hồ sơ - Thẩm định hồ sơ - Dự thảo Kết quả:	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng	04 giờ làm việc

	+ Thông báo (thẩm định không đạt) + Dự thảo Văn bản trả lời (thẩm định đạt)	tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	
Bước 4	Kiểm tra kết quả xử lý, xem xét để trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 5	Ký tờ trình, chuyển UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	02 giờ làm việc
Bước 6	Vào số văn bản, lưu trữ hồ sơ; phát hành văn bản thẩm định trình UBND tỉnh	Chuyên viên Văn phòng Sở (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 7	- Tiếp nhận hồ sơ, hoàn chỉnh nội dung dự thảo kết quả giải quyết TTHC. - Trình ký.	Công chức Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ làm việc
	- Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC.	Lãnh đạo UBND tỉnh	
	- Phát hành văn bản (kèm toàn bộ hồ sơ TTHC). - Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Sở Khoa học và Công nghệ.	Công chức Văn phòng UBND tỉnh	
Bước 8	Sở Khoa học và Công nghệ nhận kết quả giải quyết TTHC từ Văn phòng UBND tỉnh; số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC, chuyển trả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và chuyển trả kết quả giấy cho Trung tâm PVHCC.	Văn thư và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 9	- Tiếp nhận Kết quả. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	02 giờ làm việc

	hoặc theo nhu cầu đăng ký nhận kết quả TTHC của cá nhân/tổ chức.		
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 03 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ.			